TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26/5/2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Quý Long**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Triệu Ngọc Vạn**.

2. Ông **Nguyễn Tất Trọng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Hải Loan**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương *tham gia phiên toà*: Ông **Nguyễn Thành Trung**- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 264/2024/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 12 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2025/QĐST- HNGĐ ngày 07/5/2025 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1976; Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Công H, sinh năm 1975; Vắng mặt lần thứ hai.

Đều có địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn chị Nguyễn Thị X *trình bày*: Chị và anh Phạm Công H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được Uỷ ban nhân dân (UBND) xã H (nay là T), huyện N tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào

ngày 14/11/1998. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách và quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng trong cuộc sống và phát triển kinh tế gia đình. Do kinh tế khó khăn nên chị phải đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Trong thời gian làm việc ở Đài Loan chị thường xuyên gọi điện về cho chồng, con nhưng mỗi lần gọi điện cho anh H thì thường xuyên bị anh H chửi bới, xúc phạm. Đến năm 2024 chị về nước gặp anh H nhưng anh H lạnh nhạt và không coi chị là vợ. Do vậy, chị đưa con Phạm Công H1 ra ngoài thuê nhà để ở, vợ chồng sống ly thân từ ngày chị đi lao động tại Đài Loan đến nay, không ai quan tâm gì đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể cải thiện được nên khởi kiện xin ly hôn anh H.

Về quan hệ con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Phạm Thị H2, sinh ngày 09/12/2000, Phạm Công H1, sinh ngày 10/11/2008. Do con chung Phạm Thị H2 đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên chị không yêu cầu giải quyết. Hiện nay, con chung Phạm Công H1 đang ở cùng chị. Chị đề nghị giao con chung là Phạm Công H1 cho chị tiếp tục nuôi dưỡng. Chị tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng cho con.

Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Công H: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên toà, giấy triệu tập anh H đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên toà song anh đều vắng mặt không có lý do.

Chính quyền địa phương xã T *cung cấp*: Về quan hệ hôn nhân: Chị X, anh H được tự do tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã H (nay là xã T), huyện N. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại thôn X, xã T, huyện N. Khoảng năm 2018- 2019 chị X đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan để cải thiện kinh tế gia đình. Kể từ ngày chị X đi nước ngoài thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do mỗi người ở một nơi, không quan tâm chia sẻ tình cảm. Đến năm 2024 chị X về nước đã ra ngoài thuê nhà ở riêng không về sống cùng anh H. Hiện anh, chị vẫn sống ly thân, mỗi người ở một nơi. Nay chị X khởi kiện xin ly hôn đề nghị Toà án căn cứ vào mâu thuẫn vợ chồng để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Vợ chồng anh, chị có 02 con chung 01 con chung đã trưởng thành, có cuộc sống riêng còn một con chung chưa đủ 18 tuổi đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển của con chung. Anh H hiện đang làm công ty từ sáng đến tối muộn mới về, nhiều khi tăng ca đến 21 hoặc 22 giờ mới có mặt ở nhà.

Tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị X, anh Phạm Công H vắng mặt. Tại đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt chị X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị X đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Nguyễn Thị X ly hôn anh Phạm Công H; Xử giao cho chị Nguyễn Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phạm Công H1, sinh ngày 10/11/2008 cho đến khi đủ 18 tuổi (thành niên); Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị X về việc không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng cho con; Anh Phạm Công H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; Chị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: [1] *Về tố tụng*: Chị Nguyễn Thị X là nguyên đơn có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Phạm Công H là bị đơn; chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương: Quan hệ pháp luật là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang. Chị Nguyễn Thị X nộp đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập anh H đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên toà song anh đều vắng mặt không có lý do. Chị X đề nghị không tiến hành hòa giải; Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai nên vụ án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại các điều 207, 227 và Điều 228 BLTTDS.

[2] *Về nội dung*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị X và anh Phạm Công H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện được Uỷ ban nhân dân (UBND) xã H (nay là T), huyện N nơi sinh

sống của anh, chị tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/11/1998, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân giữa chị X và anh H là hợp pháp.

Chị X khởi kiện xin ly hôn, anh H biết rõ việc chị X khởi kiện xin ly hôn, việc Tòa án triệu tập nhưng anh không đến làm việc, không bày tỏ quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện. HĐXX thấy rằng, tại lời khai của chị X, biên bản xác minh ngày 14/3/2025 đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong sinh hoạt và phát triển kinh tế gia đình. Vợ chồng đã ly thân từ lâu, không quan tâm đến nhau. Như vậy, chị X và anh H đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của chị X. Tòa án căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị X ly hôn anh H.

- *Về quan hệ con chung:* Chị Nguyễn Thị X và anh Phạm Công H có 02 con chung là Phạm Thị H2, sinh ngày 09/12/2000, Phạm Công H1, sinh ngày 10/11/2008. Do con chung Phạm Thị H2 đã trưởng thành có cuộc sống riềng nên chị X không đề nghị Tòa án giải quyết. Xem xét quan điểm của chị X sau khi quan hệ hôn nhân chấm dứt đều có nguyện vọng được nuôi con chung là Phạm Công H1 và tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con. Căn cứ vào quy định của pháp luật, biên bản xác minh ngày 14/3/2025. Mặt khác, con chung là Phạm Công H1 hiện đang sống ổn định cùng chị X và có nguyện vọng được ở cùng mẹ nên HĐXX giao con chung là Phạm Công H1, sinh ngày 10/11/2008 cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị X không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng cho con.

- *Về quan hệ tài sản chung, vay nợ chung, công sức*: Do các đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị X khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81,82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho chị Nguyễn Thị X ly hôn anh Phạm Công H.

2. *Về quan hệ con chung*: Xử giao cho chị Nguyễn Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phạm Công H1, sinh ngày 10/11/2008 cho đến khi đủ 18 tuổi (thành niên); Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị X về việc không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng cho con.

Anh Phạm Công H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) được đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BLTU/24/0001480, ngày 18 tháng 12 năm 2024.

4. *Về quyền kháng cáo*: Chị Nguyễn Thị X và anh Phạm Công H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục THA dân sự huyện Ninh Giang;
- UBND xã Tân Quang, huyện Ninh Giang;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Bùi Quý Long